

Số: 1010 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 11 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 130/TTr-SVHTTDL ngày 01/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực Điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

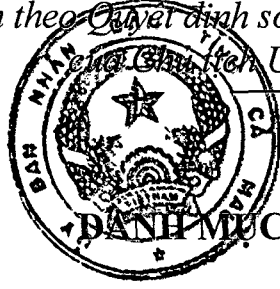
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC – VP Chính phủ;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- NC (Đ136);
- Lưu: VT, Tu32/6.



Trần Hồng Quân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH CÀ MAU**
(Công bố kèm theo Quyết định số: 1010 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



**PHẦN 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa

ST T	Tên thủ tục hành chính
1	<p>Cấp Giấy phép phổ biến phim</p> <p>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;</p> <p>- Cấp Giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:</p> <p>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;</p> <p>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến).</p>
2	<p>Cấp Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).</p>

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	T-CMU- 287183- TT	<p>Cấp Giấy phép phổ biến phim</p> <p>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;</p> <p>- Cấp Giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:</p> <p>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;</p> <p>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến).</p>	<p><i>Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i></p>
2	T-CMU- 287184-TT	<p>Cấp Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).</p>	//

PHẦN II NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp Giấy phép phổ biến phim

(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;

- Cấp Giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:

+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;

+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp Giấy phép phổ biến phim gửi hồ sơ đến Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau cấp Giấy phép phổ biến phim. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau) vào giờ hành chính các ngày làm việc (trừ ngày nghỉ theo quy định):

- Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ;

- Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ.

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra: Nếu đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thì lập phiếu hướng dẫn bổ sung một lần theo quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008);

(2) Giấy chứng nhận bản quyền phim.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và phim trình duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí:

1. Mức thu phí thẩm định kịch bản phim, thẩm định và phân loại phim như sau:

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
I. Thẩm định kịch bản phim		
1	Kịch bản phim truyện (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	
a	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	4.500.000
b	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
c	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
2	Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	
a	Độ dài đến 60 phút	1.800.000
b	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện.	
3	Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài:	
a	Kịch bản phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	7.200.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Kịch bản phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	2.800.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện	
II. Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	

a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000
a.2	Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	
2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

2. Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài như sau:

a) Đối với dự án phim dài: 5.000.000 đồng/dự án.

b) Đối với dự án phim ngắn: 2.400.000 đồng/dự án.

3. Lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam: 1.000.000 đồng/giấy.

4. Lệ phí cấp và dán tem kiểm soát băng, đĩa có chương trình trong lĩnh vực điện ảnh: 500 đồng/tem.

5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành thẩm định kịch bản phim nhưng không đạt yêu cầu để đưa vào sản xuất; thẩm định và phân loại phim, thẩm định cấp Giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim; thẩm định cấp Giấy phép mở văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam nhưng không đủ điều kiện để cấp phép thì không được hoàn trả số tiền phí, lệ phí đã nộp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị cấp Giấy phép phổ biến phim (Mẫu số 01 Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp Giấy phép phổ biến phim).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009;

- Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh;

- Quyết định số 36/QĐ-BVHTTDL ngày 24/4/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Điện ảnh;

- Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim;

- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Điện ảnh.

....., ngày..... tháng..... năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau.

Cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:.....
Bộ phim:.....
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):.....
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):.....
Hãng sản xuất hoặc phát hành:.....
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):.....
Biên kịch:.....
Đạo diễn:.....
Quay phim:.....
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):.....
Độ dài (tính bằng phút):.....
Màu sắc (màu hoặc đen trắng):..... Ngôn ngữ:.....
Chủ sở hữu bản quyền:.....
Tóm tắt nội dung:

Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

2. Cấp Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp Giấy phép phổ biến phim gửi hồ sơ đến Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau cấp Giấy phép phổ biến phim. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, gửi *trực tuyến* hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau) vào giờ hành chính các ngày làm việc (trừ ngày nghỉ theo quy định):

- Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ;

- Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008);

(2) Giấy chứng nhận bản quyền phim.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và phim trình duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí:

1. Mức thu phí thẩm định kịch bản phim, thẩm định và phân loại phim như sau:

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
I. Thẩm định kịch bản phim		

1	Kịch bản phim truyện (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	
a	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	4.500.000
b	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
c	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
2	Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (trừ quy định tại điểm 3 mục này):	
a	Độ dài đến 60 phút	1.800.000
b	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện.	
3	Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài:	
a	Kịch bản phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	7.200.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Kịch bản phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	2.800.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện	
II. Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000
a.2	Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

2. Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài như sau:

a) Đối với dự án phim dài: 5.000.000 đồng/dự án.

b) Đối với dự án phim ngắn: 2.400.000 đồng/dự án.

3. Lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam: 1.000.000 đồng/giấy.

4. Lệ phí cấp và dán tem kiểm soát băng, đĩa có chương trình trong lĩnh vực điện ảnh: 500 đồng/tem.

5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành thẩm định kịch bản phim nhưng không đạt yêu cầu để đưa vào sản xuất; thẩm định và phân loại phim, thẩm định cấp Giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim; thẩm định cấp Giấy phép mở văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam nhưng không đủ điều kiện để cấp phép thì không được hoàn trả số tiền phí, lệ phí đã nộp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị cấp Giấy phép phổ biến phim (Mẫu số 01 Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009;

- Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim;

- Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thẩm định và cấp Giấy phép phổ biến phim;

- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Điện ảnh.

....., ngày..... tháng..... năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau.

Cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:.....
Bộ phim:.....
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):.....
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):.....
Hãng sản xuất hoặc phát hành:.....
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):.....
Biên kịch:.....
Đạo diễn:.....
Quay phim:.....
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):.....
Độ dài (tính bằng phút):.....
Màu sắc (màu hoặc đen trắng):..... Ngôn ngữ:.....
Chủ sở hữu bản quyền:.....
Tóm tắt nội dung:

Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)